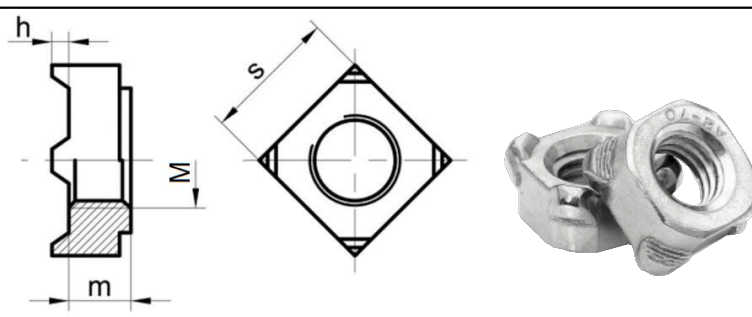
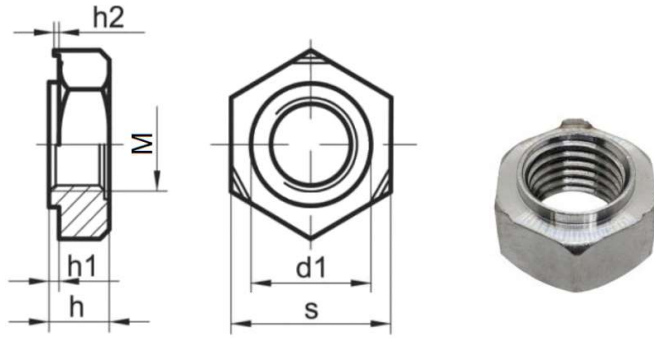


TÁN HÀN VUÔNG DIN 928						
				Mã vật liệu (V)		
				D10	Thép 8.8	
				H00	Inox 304	
Mã hàng	M x Bước ren	Vật liệu (V)	h (mm)		m (mm)	s (mm)
			Min	Max		
N09M0401(V)	M4 x 0.7	D10 - H00	0.5	0.7	3.5	7
N09M0501(V)	M5 x 0.8		0.7	0.9	4.2	9
N09M0601(V)	M6 x 1.0		0.7	0.9	5	10
N09M0801(V)	M8 x 1.25		0.9	1.1	6.5	14
N09M1001(V)	M10 x 1.5		1.1	1.3	8	17
N09M1201(V)	M12 x 1.75		1.3	1.5	9.5	19

TÁN HÀN LỤC GIÁC DIN 929								
				Mã vật liệu (V)				
				H00	Inox 304			
				D10	Thép			
				D20	Thép mạ kẽm Cr3+			
Mã hàng	M x Bước ren	h1 (mm)		h2 (mm)		h (mm)	s (mm)	d1 (mm)
		Min	Max	Min	Max			
N08M0301(V)	M3 x 0.5	0.45	0.55	0.15	0.25	3	7.5	4.5
N08M0401(V)	M4 x 0.7	0.55	0.65	0.25	0.35	3.5	9	6
N08M0501(V)	M5 x 0.8	0.6	0.7	0.3	0.4	4	10	7
N08M0601(V)	M6 x 1.0	0.6	0.75	0.3	0.4	5	11	8
N08M0801(V)	M8 x 1.25	0.75	0.9	0.35	0.5	6.5	14	10.5
N08M1001(V)	M10 x 1.5	0.95	1.15	0.5	0.65	8	17	12.5
N08M1201(V)	M12 x 1.75	1.2	1.4	0.6	0.8	10	19	14.8